

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

HẠT NÊM XƯƠNG HÀM VEDAN MOMMY

TCCS 06/VDN/2022

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 06/VDN/2022

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** Hạt nêm xương hầm Vedan Mommy

2. **Thành phần:** Muối I-ốt, chất điều vị (621, 627, 631), đường, chất làm dày (1404), bột xương hầm (0,8%), bột hành, bột tiêu, bột hương liệu thịt tổng hợp, chất làm rắn chắc (466).

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

a) **Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):** 250 g, 1,2 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được bao gói trong bao nhôm tráng PE, bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Hạt nêm xương hầm Vedan Mommy” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.1).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.12, 2.24, 3.30, 4.9).

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 05 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



YANG KUN HSIANG



KT3-06105BTP1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

15/12/2021

Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : **HẠT NÊM XƯƠNG HÀM VEDAN MOMMY**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 01/12/2021
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 02/12/2021 - 10/12/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02 - 04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06105BTP1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 15/12/2021
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan/ <i>Sensory</i> ^(*) - Trạng thái/ <i>State</i> - Màu sắc/ <i>Color</i> - Mùi vị/ <i>Odor & taste</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Dạng hạt, khô rời, không vón cục <i>Grain, dry, not curdle</i> Màu trắng đến trắng ngà <i>White to ivory – white color</i> Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi cháy khét hoặc mùi lạ khác <i>Characteristic of product, free from burnt or foreign odor</i>
7.2. Hàm lượng monosodium glutamate monohydrate tính theo khối lượng, % <i>Monosodium glutamate monohydrate content (m/m)</i>	QTTN/KT3 260:2020	-	19,3
7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	QTTN/KT3 136:2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205)-1986)	-	2,00
7.4. Hàm lượng muối ăn (NaCl) tính theo khối lượng, % <i>Sodium chloride content (m/m)</i>	QTTN/KT3 190:2018	-	46,9
7.5. pH dung dịch 10% <i>pH value of solution 10%</i>	TCVN 12348:2018	-	6,68
7.6. Vật lạ/ <i>Foreign matters</i> ^(*)	QTTN/KT3 234:2019 (Quan sát bằng mắt/ <i>Visual method</i>)	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06105BTP1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

15/12/2021
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng béo tính theo khối lượng, % Fat content (m/m)	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân) (Ref: FAO FNP 14/7 (p.214)-1986)	-	0,16
7.8. Hàm lượng glucit (carbohydrate) qui ra glucose tính theo khối lượng, % Glucide (carbohydrate) content as glucose (m/m)	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)	-	28,6
7.9. Năng lượng/Calories • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018	- -	157 657
7.10. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, % Protein content (m/m)	TCVN 8133-2:2011 Dumas method	-	10,2
7.11. Hàm lượng đường tổng qui ra glucose tính theo khối lượng, % Total sugar content as glucose (m/m)	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)	-	23,7
7.12. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}(**)$ Less than
7.15. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng aflatoxin tổng (B ₁ +B ₂ +G ₁ +G ₂), µg/kg Total aflatoxin (B ₁ +B ₂ +G ₁ +G ₂) content	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-06105BTP1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/12/2021
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.17. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện Not detected
7.18. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện Not detected
7.19. Hàm lượng melamine, mg/kg Melamine content	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.20. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013	-	9,5 x 10 ¹
7.21. Escherichia coli, MPN/g	ISO 16649-3:2015	-	0
7.22. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/g Total yeasts and moulds	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.23. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.24. Salmonella spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected
7.25. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/Notes: Hàm lượng protein/ Protein content = 6,25 x Hàm lượng nito/ Nitrogen content

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(**): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-00054BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/01/2022
Page 01/02

1. Tên mẫu : HẠT NÊM XƯƠNG HÀM VEDAN MOMMY
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Xem hình chụp của mẫu trang 02/02.
See the photograph of sample page 02/02.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 06/01/2022
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 07/01/2022 - 14/01/2022
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠM VEDAN VIỆT NAM
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng tro không tan trong HCl 10%, 10% HCl - insoluble ash content g/100 g	QTTN/KT3 138 : 2016 (Ref: FAO FNP 5/REV.1 (p.25) – 1983)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00054BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/01/2022
 Page 02/02



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

10

145mm

10

10

145mm

10

210mm

190mm

10

VEDAN
mommy

Hướng dẫn sử dụng:

Món canh, súp
3 muỗng cà phê cho
1 lít nước.

Món xào
1 muỗng cà phê cho
500 g thực phẩm.

Món kho
2 muỗng cà phê cho
500 g thực phẩm.

Hạt nêm Xương hầm Vedan Mommy, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.

Nguyên liệu: hành,
tiêu từ Việt Nam

Thành phần:

Muối I-ốt, chất điều vị (621, 627, 631), đường, chất làm dày (1404), bột xương hầm (0,8%), bột hành, bột tiêu, bột hương liệu thịt tổng hợp, chất làm rắn chắc (466).

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.

TCCS 06/VDN/2022

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn
Free Hotline: 1800 599 902
Được sự cho phép của:
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O. Box 2681 GT, George Town, Grand Cayman, British West Indies.

VEDAN
mommy

Nêm Đậm Đà, Ngọt Tự Nhiên

Hạt Nêm
Xương Hầm

Nguyên liệu chọn lọc
từ nguồn nông sản Việt Nam

Khối lượng tịnh
250 g

Năng lượng

Protein

Chất béo

Carbohydrate

≥

≥

≤

≥

14,1 Kcal

0,92 g

0,02 g

2,57 g

Thành phần dinh dưỡng
(có trong 10 g hạt nêm
xương hầm Vedan Mommy)

Khối lượng tịnh: 250 g

NSX:

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8 19351 0214 158151

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HỮU HẠN
VEDAN
VIỆT NAM

HI LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

YANG KUN HSIANG

VEDAN
mommy

Hướng dẫn sử dụng:



Hạt nêm Xương hầm Vedan Mommy, loại hạt nêm lý tưởng làm từ các loại nguyên liệu thiên nhiên, sẽ mang đến cho gia đình bạn những bữa ăn hàng ngày thật thơm ngon và bổ dưỡng.



Nguyên liệu: hành,
liệu từ Việt Nam

Thành phần: Muối I-ốt, chất điều vị (621, 627, 631), đường, chất làm dày (1404), bột xương hầm (0,8%), bột hành, bột tiêu, bột hương liệu thịt tổng hợp, chất làm rắn chắc (466).

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, sạch và tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại.
TCCS 06/VDN/2022

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn
Free Hotline: 1800 599 902
Được sự cho phép của:
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O. Box 2681 GT,
George Town, Grand Cayman, British West Indies.

Thành phần dinh dưỡng
(có trong 10 g hạt nêm
xương hầm Vedan Mommy)

Năng lượng	≥	14,1 Kcal
Protein	≥	0,92 g
Chất béo	≤	0,02 g
Carbohydrate	≥	2,57 g

Khối lượng tịnh: 1,2 kg

NSX:

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



VEDAN
mommy

Nêm Đậm Đà, Ngọt Tự Nhiên

Hạt Nêm
Xương Hầm



Nguyên liệu chọn lọc
từ nguồn nông sản Việt Nam

Khối lượng tịnh:
1,2kg



YANG KUN HSIANG